TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 812/2022/QĐST-HNGĐ	*Củ Chi, ngày 31 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 635/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông Trần Văn H, sinh năm 1999.

Thường trú: Số 2072/5, đường Nguyễn Thị N, tổ 2, ấp 2, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà H Nụ N, sinh năm 1999.

Thường trú: Buôn K, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ liên hệ: Số 10/9, đường 224, tổ 4, ấp 2A, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy ông Trần Văn H và bà H Nụ N có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 31 ngày 10/5/2021. Cả hai bên cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, xét đây là sự tự nguyện của các bên nên chấp nhận.

[2] Xét ông Trần Văn H và bà H Nụ N cùng thừa nhận có 01 con chung tên Trần Hải M cho bà Nụ N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; ghi nhận sự tự nguyện của ông H về việc cấp dưỡng nuôi con chung với mức là 3.000.000đ (ba triệu đồng)/tháng, cấp dưỡng vào ngày 30 dương lịch hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 6/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà H Nụ N có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông H chưa thi hành cấp dưỡng số tiền nêu trên thì hàng tháng ông H còn phải trả cho bà H Nụ N tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

[3] Về tài sản chung: Ông Trần Văn H và bà H Nụ N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Trần Văn H và bà H Nụ N cùng xác định không có nợ chung nên không xét.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trần Văn H và bà H Nụ N thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 31 ngày 10/5/2021 của Ủy ban nhân dân xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Trần Văn H và bà H Nụ N không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung:

Bà H Nụ N được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Trần Hải M, sinh ngày 24/5/2021; ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức là 3.000.000đ (ba triệu đồng)/tháng, cấp dưỡng vào ngày 30 dương lịch hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 6/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà H Nụ N có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông H chưa thi hành cấp dưỡng số tiền nêu trên thì hàng tháng ông H còn phải trả cho bà H Nụ N tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung:

Ông Trần Văn H và bà H Nụ N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung:

Ông Trần Văn H và bà H Nụ N xác định không có.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do ông Trần Văn H và bà H Nụ N mỗi người chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0044402 ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; các bên đã nộp đủ tiền lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Thanh Hương